

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
BỘ CÔNG THƯƠNG  
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

LÂM THỊ QUỲNH ANH

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI  
VIỆC THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG  
MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI

Ngành: Kinh doanh thương mại

Mã số: 9.34.01.21

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2026

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG**

Người hướng dẫn khoa học:

1.PGS.TS. Trần Thị Vân Hoa.

2.GS.TS. Đinh Văn Thành

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

Vào hồi:.....ngày.....tháng.... năm 202...

***Có thể tìm hiểu luận án tại:***

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

**HÀ NỘI, 2026**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Từ những năm 90 trở lại đây, thế giới đã và đang được chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng của các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Trước xu thế đó, Việt Nam đã tham gia 17 FTA, trong đó có 3 FTA thế hệ mới là CPTPP, EVFTA và UKVFTA. Đây là các FTA có cam kết sâu rộng, bao gồm cả các cam kết phi thương mại và tiêu chuẩn cao liên quan đến các lĩnh vực lao động, môi trường, phát triển bền vững. Việc tham gia các FTA này đòi hỏi công tác quản lý nhà nước (QLNN) phải có sự đổi mới mạnh mẽ trong tư duy, phương thức và công cụ quản lý để thực thi các hiệp định một cách hiệu quả, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia trong tiến trình hội nhập. Do vậy, việc hoàn thiện công tác QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới đóng vai trò quan trọng để Việt Nam “thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế” và hội nhập thành công theo tinh thần Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 21/2//2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Thực tiễn cho thấy, QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy cải cách thể chế, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực hội nhập của nền kinh tế. Tuy nhiên, quá trình thực thi cũng bộc lộ nhiều hạn chế, thể hiện ở việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chính sách tại một số bộ, ngành và địa phương còn thiếu đồng bộ; sự phối hợp liên ngành trong quá trình thực thi chưa thực sự chặt chẽ; công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về FTA tuy được triển khai rộng rãi nhưng hiệu quả chưa cao và còn có biểu hiện trùng lặp... Những hạn chế này cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa cam kết quốc tế và năng lực tổ chức thực thi trên thực tế, làm giảm hiệu ứng tích cực mà các FTA thế hệ mới có thể mang lại.

Hiện nay, mặc dù trên thế giới và ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến các FTA, song phần lớn mới tập trung vào phân tích khái niệm, xu hướng hình thành FTA, tác động của việc thực thi các FTA mà chưa có các nghiên cứu xây dựng một khung lý luận tương đối hệ thống về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới. Đáng chú ý, các vấn đề mang tính lý luận như khái niệm QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới; mục tiêu, nội dung, các tiêu chí đánh giá QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới hầu như chưa được làm rõ trong các công trình nghiên cứu hiện có. Sự thiếu vắng một khung lý luận về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới sẽ làm ảnh hưởng đến việc nhận diện bản chất và vị trí của QLNN trong tiến trình hội nhập, và làm hạn chế khả năng đánh giá thực tiễn một cách khách quan cũng như việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới.

Từ những lý do nêu trên, việc nghiên cứu QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới nhằm hình thành các luận cứ khoa học và thực tiễn, góp phần hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận, đồng thời đề xuất các giải pháp có tính đồng bộ, khả thi trong hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam là rất cần thiết trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) ngày càng sâu rộng. Chính vì vậy, Nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài nghiên cứu cho Luận án Tiến sỹ kinh tế của mình là: ***“Quản lý nhà nước đối với việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”***.

## **2. Câu hỏi nghiên cứu của Luận án**

1) Mục tiêu của QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới là gì? QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới bao gồm những nội dung nào? Các tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng

đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới là gì? Kinh nghiệm quốc tế về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới?

2) Thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được những kết quả như thế nào? Còn những hạn chế, bất cập gì và đâu là nguyên nhân?

3) Bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng như thế nào đến quản lý nhà nước đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045? Quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 như thế nào?

### **3. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án**

#### **3.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng quan các công trình khoa học đã thực hiện liên quan đến hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, những vấn đề có thể kế thừa và phát triển, xác định khoảng trống nghiên cứu.

- Hệ thống hoá và bổ sung, làm rõ hơn cơ sở lý luận về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới; nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia trên thế giới, rút ra bài học kinh nghiệm có thể tham khảo và vận dụng cho Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam; chỉ ra những thành công, tồn tại, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- Đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Những vấn đề về lý luận và thực tiễn về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết (bao gồm khái niệm, mục tiêu, nội dung của QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, kinh nghiệm của các nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới).

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung: Nghiên cứu lý luận và thực tiễn triển khai công tác QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới và đề xuất các giải pháp hoàn thiện. Mặc dầu hiện nay vẫn còn một số tranh luận về khái niệm các FTA thế hệ mới song trong luận án này, phạm vi nghiên cứu được giới hạn vào ba FTA thế hệ mới tiêu biểu mà Việt Nam đã ký kết và đang triển khai thực hiện, bao gồm: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA).

Luận án không xem xét việc thực thi các FTA ở góc độ doanh nghiệp mà nghiên cứu từ góc độ QLNN trong việc thực thi các FTA với các nội dung quản lý chủ yếu bao gồm: Xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới; tổ chức bộ máy QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới; báo cáo, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực thi các FTA thế hệ mới; tuyên truyền, phổ biến về các FTA thế hệ mới.

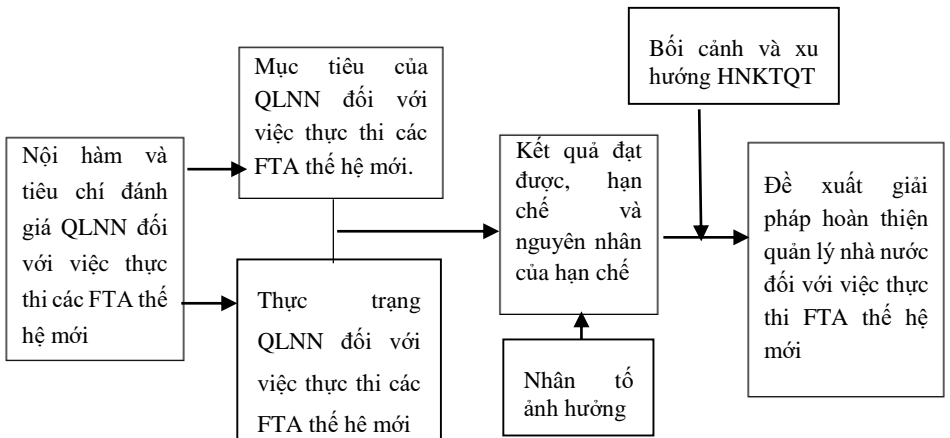
- *Về không gian:* Không gian nghiên cứu của luận án là Việt Nam, với trọng tâm là hệ thống các cơ quan QLNN ở cấp trung ương và địa phương. Luận án tập trung nghiên cứu về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết, bên cạnh đó phân tích kinh nghiệm của 3 quốc gia châu Á, bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore về nội dung này.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung phân tích và đánh giá thực tiễn trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2024, tức là từ thời điểm các FTA thế hệ mới chính thức được ký kết và thực thi tại Việt Nam. Do vậy, các dữ liệu thứ cấp sẽ được thu thập, tính toán chủ yếu trong giai đoạn 2018- 2024 nhưng một số dữ liệu được mở rộng ra từ năm 2013 đến 2025. Các dữ liệu sơ cấp được thu thập và điều tra trong giai đoạn 2024 - 2025. Đề xuất định hướng và giải pháp đến năm 2030.

## 5. Khung nghiên cứu của Luận án

Khung nghiên cứu của luận án được mô hình hóa trong sơ đồ sau:

**Hình 0.1: Khung nghiên cứu của Luận án**



*Nguồn: Nghiên cứu sinh tự thiết kế*

## 6. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp*: Được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu các nội dung của luận án. Dữ liệu thứ cấp là những dữ liệu liên quan đến thực trạng QLNN về các FTA thế hệ mới tại Việt Nam và được thu thập từ các nguồn khác nhau, được kiểm tra về tính chính xác, tính thích hợp và tính thời sự.

- *Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp*: Những thông tin sơ cấp thu được qua bảng câu hỏi giúp củng cố, cập nhật thêm những thông tin phục vụ cho phân tích thực trạng QLNN về các FTA thế hệ mới tại Việt Nam giai đoạn 2018-2025. Cụ thể việc sử dụng phương pháp khảo sát trong luận án này như sau:

+ *Đối tượng khảo sát*: Do vấn đề cần khảo sát để thu thập ý kiến là những vấn đề liên quan đến thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, vì vậy, đối tượng khảo sát được chọn theo tiêu chí: (i) là cán bộ QLNN ở các Bộ ngành hoặc địa phương; và (ii) công việc liên quan đến lĩnh vực HNKTQT và thực thi các FTA.

+ *Cách thức thực hiện khảo sát*: Nghiên cứu sinh đã tiến hành các bước (i) xây dựng Bảng câu hỏi về những nội dung liên quan chủ yếu đến thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, (ii) gửi tổng cộng 235 phiếu khảo sát, thu về 207 phiếu, tổng số phiếu đủ tiêu chuẩn xử lý là 207 phiếu và (iii) tổng hợp các ý kiến của các đối tượng khảo sát để sử dụng vào luận án.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Nghiên cứu sinh đã tiến hành phỏng vấn sâu một số đại diện hiệp hội, doanh nghiệp nhằm thu thập ý kiến đánh giá về công tác QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở một số nội dung liên quan đến doanh nghiệp. Các cuộc phỏng

vấn được thực hiện theo hình thức bán cầu trúc. Nội dung phỏng vấn tập trung vào một số nhóm vấn đề chính của QLNN có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp trong quá trình thực thi các FTA.

- *Phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và cách tiếp cận hệ thống; phương pháp phân tích, thống kê, tổng hợp:* Được sử dụng trong toàn bộ Luận án .

## **7. Những đóng góp mới của Luận án**

### *7.1. Đóng góp về mặt lý luận:*

*Thứ nhất*, luận án đã hệ thống hóa, làm rõ và bổ sung khung khổ lý luận cho QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, trong đó đã làm rõ hơn nội hàm, đặc điểm; xây dựng và phát triển các khái niệm về “Hiệp định thương mại tự do (FTA)”, “FTA thế hệ mới”, “QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới”; làm rõ mục tiêu của QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới; .

*Thứ hai*, luận án đã xác lập khung khổ lý thuyết làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới qua việc làm rõ nội dung của việc QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, các tiêu chí đánh giá QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới.

*Thứ ba*, luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore trong QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới để rút ra các bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam như cần phát huy vai trò và sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN trong quá trình tham gia các FTA, Chính phủ cần xây dựng các chương trình, kế hoạch tổng thể về FTA...

## 7.2. Đóng góp về mặt thực tiễn:

*Thứ nhất*, luận án đã phân tích thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA ở Việt Nam trong giai đoạn 2018-2024, chỉ ra những kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế, đồng thời phân tích và chỉ rõ nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

*Thứ hai*, luận án đã phân tích, dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới từ nay đến năm 2030, đồng thời đưa ra định hướng hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới thời gian tới.

*Thứ ba*, luận án đã đề xuất 05 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới đến năm 2030, tầm nhìn 2035 có tính khả thi.

## 6. Bố cục của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận án gồm 4 chương:

**Chương 1.** Tổng quan các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài luận án

**Chương 2.** Cơ sở lý luận và thực tiễn về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới

**Chương 3.** Thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới

**Chương 4.** Định hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2035

## CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

### 1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

#### *1.1.1. Các nghiên cứu về FTA và FTA thế hệ mới*

Các nghiên cứu về FTA hình thành chủ yếu trên nền tảng lý thuyết hội nhập kinh tế và phân tích sự vận động của hệ thống thương mại quốc tế. **Bela Balassa (1962)** đã xây dựng hệ thống khái niệm và phân loại các hình thức hội nhập kinh tế. **Pravin Krishna (2011)** làm rõ nền tảng pháp lý cho sự tồn tại và phát triển của các FTA. **Prema-chandra Athukorala (2019)** phân tích bản chất và phạm vi của các FTA ngày càng được mở rộng. **Bùi Trường Giang (2008)** nhấn mạnh sự đa dạng và vai trò ngày càng lớn của các FTA.

Các nghiên cứu về FTA thế hệ mới của **Centre for Development of Trade (2015)**, **Nguyễn Ngọc Hà (2021)**, **Đặng Minh Đức và Bùi Hải Đăng (2023)** đã phân tích xu hướng mở rộng phạm vi nội dung của các FTA để từ đó hình thành các FTA thế hệ mới, đồng thời chỉ ra việc tham gia FTA thế hệ mới đặt ra nhiều yêu cầu mới về nội luật hóa và tuân thủ cam kết. Từ góc độ doanh nghiệp, **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2021, 2022)** đã phản ánh thực tiễn thực thi CPTPP và EVFTA trong giai đoạn đầu thông qua khảo sát các doanh nghiệp Việt Nam.

#### *1.1.2. Các nghiên cứu về QLNN đối với kinh tế, HNKTQT và thực thi các FTA thế hệ mới*

**Đặng Xuân Hoan (2019, 2020)** nêu ra một số yêu cầu chung đối với QLNN trong bối cảnh HNKTQT. **Đinh Nguyễn An (2015)** và

**Hoàng Thị Kim Oanh (2015)** khẳng định vai trò của Nhà nước trong hoạt động HNKTQT. Các nghiên cứu của **Ngân hàng thế giới (2020)**, **Tổ chức Thương mại thế giới (2021)**, **Liên minh châu Âu (2022)** **Nguyễn Khánh Ngọc (2023)** **Đỗ Thị Hoa (2018)**, **Ninh Thị Minh Tâm và Hồ Sỹ Ngọc (2019)** đánh giá việc tham gia các FTA thế hệ mới của Việt Nam mang lại kết quả bước đầu song cũng đặt ra nhiều yêu cầu và thách thức mới đối với công tác QLNN của Việt Nam.

## **1.2. CÁC KẾT LUẬN RÚT RA VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU**

### ***1.2.1. Các kết luận rút ra***

Đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước phân tích, tiếp cận FTA từ nhiều góc độ khác nhau, qua đó khẳng định sự phát triển của các FTA và FTA thế hệ mới là một xu thế tất yếu và nổi bật của tiến trình HNKTQT kể từ thập niên 90 đến nay. Các nghiên cứu đã góp phần làm rõ xu hướng hình thành, phát triển của các FTA và vai trò của Nhà nước trong đàm phán, ký kết và thực thi các FTA.

QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới là một lĩnh vực nghiên cứu tương đối mới, hình thành và phát triển gắn với thực tiễn HNKTQT sâu rộng của Việt Nam trong những năm gần đây. Do đó, số lượng công trình nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận một cách hệ thống và toàn diện về nội dung này còn hạn chế.

Luận án có thể kế thừa và phát triển các nội dung gồm (i) Lý thuyết về HNKTQT, FTA, FTA thế hệ mới; (ii) kết quả HNKTQT và thực thi các FTA của Việt Nam từ năm 2015 trở lại đây (iii) một số gợi mở cho giải pháp tăng cường vai trò của Nhà nước trong HNKTQT và thực thi các FTA.

### ***1.2.2. Khoảng trống nghiên cứu***

Qua xem xét các công trình nghiên cứu đã có, Nghiên cứu sinh nhận thấy về mặt lý thuyết, chưa có nghiên cứu nào xây dựng một khung lý luận có tính hệ thống về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới; về mặt thực tiễn, chưa có các nghiên cứu phân tích tương đối đầy đủ về thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam. Do vậy, Luận án sẽ tập trung vào các nội dung sau:

- Về mặt lý thuyết: làm rõ lý luận về QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, trong đó xác định rõ nội hàm khái niệm và mục tiêu của QLNN; làm rõ các nội dung cơ bản của QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới; đề xuất hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả QLNN, cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN trong việc thực thi các hiệp định này.

- Về mặt thực tiễn: phân tích, đánh giá theo hướng tiếp cận toàn diện và có hệ thống thực trạng QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới ở Việt Nam, tập trung vào các khía cạnh như thể chế chính sách, tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp, công tác báo cáo, kiểm tra, đôn đốc và tuyên truyền phổ biến về các FTA thế hệ mới, trên cơ sở đó, nhận diện những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới trong thời gian tới.

## **CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

### **2.1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA FTA THẾ HỆ MỚI**

#### ***2.1.1. Khái niệm FTA và FTA thế hệ mới***

FTA được định nghĩa là một hiệp định ký kết giữa hai hay nhiều nước, theo đó các nước dành cho nhau những ưu đãi về tiếp cận thị trường (Walter Goode, 2020).

Thuật ngữ “FTA thế hệ mới” gắn liền với sự chuyển dịch trong tư duy và thực tiễn xây dựng các FTA từ cuối những năm 2000, khi các FTA bắt đầu vượt ra khỏi khuôn khổ tự do hóa thương mại hàng hóa truyền thống. Trong luận án này, FTA thế hệ mới được hiểu là các FTA được ký kết giữa hai hay nhiều quốc gia, trong đó các bên thỏa thuận cắt giảm các hàng rào thuế quan và phi thuế quan với mức độ cam kết sâu rộng, đồng thời cam kết về các vấn đề phi thương mại như lao động, môi trường, phát triển bền vững...

#### ***2.1.2. Sự hình thành, phát triển của các FTA và FTA thế hệ mới***

Lịch sử ra đời của FTA gắn chặt với sự phát triển của tư duy kinh tế về tự do hóa thương mại và HNKTQT, với cơ sở pháp lý là Hiệp định chung về thuế quan và thương mại của WTO (Điều XXIV).

Bước sang thế kỷ XXI, toàn cầu hóa và khu vực hóa phát triển mạnh, thúc đẩy liên kết sản xuất, thương mại dịch vụ, đầu tư và chuyển giao công nghệ. Thương mại ngày càng mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ và gắn với các vấn đề phi thương mại như môi trường, lao động, quyền con người và phát triển bền vững. Dưới tác động này, các FTA đã vượt ra khỏi phạm vi cắt giảm thuế quan, bao trùm nhiều lĩnh vực mới và hình thành nên các FTA thế hệ mới với các tiêu chuẩn cao hơn.

### **2.1.3. Đặc điểm của các FTA thế hệ mới**

FTA thế hệ mới phân biệt với FTA truyền thống ở 5 đặc điểm: (1) phạm vi điều chỉnh bao trùm và toàn diện hơn; (2) bao hàm nhiều nội dung mang tính “phi thương mại; (3) có cấp độ tự do hóa sâu rộng hơn; (4) đề cao nguyên tắc minh bạch và thiết lập cơ chế giám sát thực thi chặt chẽ hơn; (5) có sự tham gia hoặc vai trò dẫn dắt của một hoặc một số nền kinh tế phát triển.

## **2.2. MỘT SỐ LÝ LUẬN VỀ QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

### **2.2.1. Khái niệm QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới**

“QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới là việc các cơ quan hành chính nhà nước xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện đầy đủ cam kết trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên”.

### **2.2.2 Mục tiêu của QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới**

QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới hướng tới các mục tiêu: (i) thực hiện đầy đủ, nghiêm túc cam kết trong các FTA thế hệ mới; (ii) tận dụng hiệu quả cam kết trong các FTA thế hệ mới để khai thác các cơ hội và vượt qua thách thức từ các FTA thế hệ mới; và (iii) thúc đẩy HNKTQT và phát triển bền vững.

### **2.2.3. Nội dung QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới**

Trên cơ sở lý thuyết về QLNN và Luật Điều ước quốc tế năm 2018 của Việt Nam, nội dung QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới trong Luận án được giới hạn ở các nhóm nội dung sau: (1) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới;

(2) Tổ chức bộ máy QLNN về thực thi FTA thế hệ mới; (3) Báo cáo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới; và (4) Tuyên truyền, phổ biến về các FTA thế hệ mới.

#### ***2.2.4. Các tiêu chí đánh giá QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới***

Trong luận án này, việc đánh giá hoạt động QLNN đối với việc thực thi thế hệ mới sẽ dựa trên nhóm tiêu chí đánh giá tình hình thực hiện các nội dung của QLNN đối với việc thực thi các FTA và nhóm tiêu chí đánh giá tổng hợp kết quả thực thi các FTA thế hệ mới.

#### ***2.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới***

Nhóm nhân tố chủ quan bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nguồn tài chính và cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới. Nhóm nhân tố khách quan gồm chủ trương của Đảng và Nhà nước, tiến trình tham gia các FTA của Việt Nam; tình hình kinh tế - chính trị thế giới ảnh hưởng đến quá trình thực thi các FTA; sự tham gia của doanh nghiệp.

### **2.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

Luận án đã lựa chọn phân tích kinh nghiệm của 3 quốc gia là Hàn Quốc, Singapore và Nhật Bản, từ đó rút ra các bài học cho Việt Nam, bao gồm (i) cần có các cơ quan, tổ chức Chính phủ chuyên trách về FTA; (ii) cần phát huy vai trò và sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN trong quá trình tham gia các FTA; (iii) cần xây dựng các chương trình, kế hoạch tổng thể về FTA; (iv) cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về các FTA và (v) cần có cơ chế theo dõi, giám sát đánh giá quá trình thực thi FTA.

### **CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

#### **3.1. TÌNH HÌNH THAM GIA CÁC FTA THẾ HỆ MỚI CỦA VIỆT NAM**

##### ***3.1.1. Khái quát tình hình tham gia các FTA thế hệ mới của Việt Nam***

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia 17 FTA trong đó có 03 FTA thế hệ mới gồm: CPTPP, EVFTA và UKVFTA.

##### ***3.1.2. Nội dung cam kết chính trong các FTA thế hệ mới***

CPTPP, EVFTA và UKVFTA đều là các FTA thế hệ mới với mức độ cam kết sâu rộng và toàn diện. Các hiệp định đều hướng tới xóa bỏ gần như toàn bộ thuế quan với lộ trình cắt giảm nhanh. Bên cạnh đó, các hiệp định còn bao gồm các cam kết phi thương mại ở các lĩnh vực lao động, môi trường, phát triển bền vững.

#### **3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

##### ***3.2.1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới***

Các hoạt động được triển khai gồm: Xây dựng Chiến lược tham gia các FTA; xây dựng Kế hoạch thực hiện các FTA thế hệ mới; xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các FTA thế hệ mới; ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành việc thực thi các FTA thế hệ mới.

##### ***3.2.2. Tổ chức bộ máy QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới***

Bộ máy QLNN về các FTA nói chung và các FTA thế hệ mới nói riêng được tổ chức từ trung ương và địa phương, với các chủ thể

bao gồm: Chính phủ; Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương; các Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương.

### ***3.2.3. Báo cáo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới***

Cơ chế báo cáo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới được quy định tại các Kế hoạch triển khai Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA và Chỉ thị 38/CT-TTg.

### ***3.2.4. Tuyên truyền, phổ biến về các FTA thế hệ mới***

Các Bộ ngành địa phương đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về nội dung các FTA thế hệ mới, bao gồm: tổ chức các Hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn; xây dựng video clips tuyên truyền về các FTA thế hệ mới; tổ chức thông tin báo chí và xuất bản phẩm; triển khai và vận hành Cổng thông tin điện tử quốc gia về FTA.

## **3.3. KẾT QUẢ THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

### ***3.3.1. Về tăng trưởng xuất nhập khẩu***

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với thị trường các đối tác FTA tăng trưởng qua các năm, khẳng định vai trò tích cực của hiệp định trong việc thúc đẩy trao đổi thương mại giữa các bên.

### ***3.2.2. Về mức độ tận dụng ưu đãi thuế quan***

Đối với CPTPP, tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan thấp trong giai đoạn đầu song đã dần tăng lên. Đối với EVFTA và UKVFTA, tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan tăng trưởng đều qua các năm.

### ***3.3.3. Về dịch vụ và đầu tư***

Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện thể

chế pháp luật nhằm thực thi các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ và đầu tư trong các FTA, đặc biệt là CPTPP, EVFTA và UKVFTA, qua đó đóng góp tích cực vào việc thu hút đầu tư từ các nước đối tác FTA.

#### **3.3.4. Về lao động, môi trường và phát triển bền vững**

Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để thực thi các cam kết về lao động, môi trường và phát triển bền vững trong các FTA thế hệ mới.

### **3.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

#### **3.4.1. Một số kết quả đạt được**

Các kết quả đạt được bao gồm: (i) Các chính sách chính sách QLNN về thực thi FTA thế hệ mới được ban hành trong thời gian qua là tương đối đầy đủ và đồng bộ, tương thích với luật pháp và thông lệ quốc tế; (ii) Kế hoạch thực hiện các FTA thế hệ mới đã được cụ thể hóa ở tất cả các Bộ, ngành và địa phương; (iii) Bộ máy QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới được tổ chức thống nhất và có sự phân công tương đối rõ về trách nhiệm; (iv) Quy trình báo cáo về việc thực thi các FTA thế hệ mới tại các cơ quan QLNN được thiết lập rõ ràng, hợp lý; và (v) Công tác thông tin tuyên truyền về các FTA thế hệ mới đã được tiến hành thường xuyên với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

#### **3.4.2. Tồn tại, hạn chế**

Các tồn tại, hạn chế bao gồm: (i) Các văn bản chỉ đạo điều hành còn trùng lặp và dàn trải về nội dung, thiếu những giải pháp mang tính trọng tâm, đột phá; (ii) Việc cụ thể hóa và triển khai các chính sách thực thi các FTA thế hệ mới tại các Bộ, ngành, địa phương còn nặng về hình thức và chưa gắn với điều kiện thực tế; (iii) Sự phối hợp giữa

các Bộ, ngành, địa phương thực thi các FTA chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả; (iv) Báo cáo về tình hình thực thi các FTA thể hệ mới có nhiều nhưng chất lượng chưa cao; (v) Công tác kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tình hình thực thi các FTA thể hệ mới chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức; và (vi) Công tác tuyên truyền, phổ biến về FTA, tuy được triển khai mạnh mẽ, nhưng hiệu quả chưa cao và còn trùng lặp.

### ***3.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế***

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là: (i) Cơ chế điều phối liên ngành giữa các bộ, ngành về thực thi các FTA chưa có đủ hiệu lực và hiệu quả; (ii) ) Đội ngũ cán bộ làm công tác HNKTQT còn thiếu về số lượng và hạn chế về năng lực chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu của việc thực thi các FTA thể hệ mới; (iii) Chưa có đủ nguồn lực tài chính, chính sách đào, tạo phát triển nguồn nhân lực và chính sách đãi ngộ đặc thù cho triển khai công tác HNKTQT và thực thi các FTA; (iii) Chưa đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu điện tử trong công tác quản lý, theo dõi, báo cáo, đánh giá FTA; (iv) Chưa có công cụ theo dõi, đánh giá hiệu quả thực thi FTA; (v) Chưa có kế hoạch tổng thể cho công tác thông tin tuyên truyền về các FTA; (vi) Chưa thực hiện thường xuyên cơ chế tham vấn và phản hồi hai chiều giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong quá trình thực thi các FTA; và (vii) Biến động kinh tế - chính trị toàn cầu ảnh hưởng đến công tác QLNN về thực thi các FTA.

## **CHƯƠNG 4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2035**

### **4.1. BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC ẢNH HƯỞNG ĐẾN QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

#### ***4.1.1. Bối cảnh quốc tế***

Một số xu hướng nổi bật ảnh hưởng đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới gồm: Toàn cầu hóa chọn lọc và tái cấu trúc chuỗi giá trị; gia tăng xu hướng bảo hộ và “an ninh hóa” kinh tế; chuyển đổi số và hội nhập kinh tế số; tăng cường hội nhập khu vực và hợp tác đa phương; tăng cường phát triển bền vững và các thỏa thuận môi trường quốc tế; tăng cường vai trò của các nền kinh tế mới nổi và các quốc gia đang phát triển trong HNKTQT.

#### ***4.1.2. Bối cảnh trong nước***

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp khó lường, Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á từ năm 2025 đến 2030. Đây được xem là "cửa sổ cơ hội" để Việt Nam chuyển mình từ một nền kinh tế dựa vào lao động giá rẻ và xuất khẩu thô sang một nền kinh tế hiện đại, dựa vào công nghệ cao, chuyển đổi số, và phát triển bền vững.

### **4.2. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA CỦA VIỆT NAM**

#### ***4.2.1. Quan điểm của Đảng về HNKTQT và tham gia các FTA***

Đối với tiến trình tham gia các FTA của Việt Nam, giai đoạn từ nay đến 2030 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng do Việt Nam sẽ từng bước thực thi đầy đủ cam kết trong các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới.

Điều này đòi hỏi nền kinh tế Việt Nam phải có bước chuyển mình vững chắc, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh và sẵn sàng đổi mới, thích ứng với những xu hướng mới và những thách thức an ninh phi truyền thống.

#### ***4.2.2. Định hướng hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới thời gian tới.***

Luận án đề xuất các định hướng trọng tâm bao gồm: tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật; hoàn thiện tổ chức bộ máy QLNN tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền về các FTA thế hệ mới; chuẩn hóa công tác báo cáo, kiểm tra, đánh giá tình hình thực thi FTA thế hệ mới; chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhằm tối ưu hóa lợi ích từ FTA thế hệ mới.

### **4.3. GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QLNN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC THI CÁC FTA THẾ HỆ MỚI**

#### ***4.3.1. Nhóm giải pháp về xây dựng, hoàn thiện chính sách QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới***

Rà soát và tích hợp hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành việc thực thi các FTA để tránh trùng lặp và phân tán nguồn lực; xem xét ban hành văn bản chỉ đạo có tính pháp lý và ràng buộc cao hơn; xác định rõ ràng các nội dung thực hiện; đặc biệt là xây dựng các Kế hoạch thực thi FTA thế hệ mới có tính thực tiễn cao, phù hợp với đặc thù của từng Bộ ngành, địa phương.

#### ***4.3.2. Nhóm giải pháp về hoàn thiện bộ máy QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới***

Tăng cường phối hợp liên ngành trong thực thi các FTA thế hệ mới, kiện toàn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Ban Chỉ đạo liên

ngành hội nhập quốc tế về kinh tế để trở thành cơ quan điều phối trung tâm thực thi FTA; tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên trách về công tác hội nhập quốc tế và thực thi các FTA và tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác thực thi FTA tại các địa phương.

#### ***4.3.3. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả cơ chế báo cáo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới***

Thể chế hóa cơ chế báo cáo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá thực thi FTA thế hệ mới bằng hệ thống chỉ số toàn diện, kết hợp đánh giá từ cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới.

#### ***4.3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền các FTA thế hệ mới***

Xây dựng Chiến lược truyền thông quốc gia về FTA; đổi mới nội dung và cách thức thông tin tuyên truyền về các FTA thế hệ mới; tăng cường nguồn lực cho công tác thông tin tuyên truyền về các FTA thế hệ mới

#### ***4.3.5. Một số giải pháp khác***

Đẩy mạnh và thể chế hóa cơ chế tham vấn giữa cơ quan QLNN và doanh nghiệp trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới. Hoàn thiện cơ chế cảnh báo sớm đối với các rủi ro trong quá trình thực thi FTA thế hệ mới. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới.

## KẾT LUẬN

Việt Nam đang bước vào giai đoạn hội nhập sâu rộng, trong đó việc tham gia các FTA thế hệ mới đóng vai trò đặc biệt quan trọng, không chỉ mở ra những cơ hội phát triển to lớn mà còn đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác QLNN. Thực tiễn những năm qua cho thấy, QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của đất nước, nhưng đồng thời cũng bộc lộ những hạn chế nhất định như: nhiều chính sách chưa được cụ thể hóa rõ ràng để triển khai trong thực tiễn; công tác theo dõi, đánh giá việc thực thi các chương trình, kế hoạch thực thi các FTA vẫn còn nhiều bất cập; cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương còn thiếu chặt chẽ và hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về FTA còn chông chéo và trùng lặp... Những vấn đề này nếu không được xử lý kịp thời sẽ làm giảm hiệu ứng tích cực từ việc tham gia các FTA cũng như tác động của tiến trình hội nhập đối với nền kinh tế.

Từ yêu cầu thực tiễn đó, luận án “QLNN đối với việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” được thực hiện với mục tiêu vừa làm rõ những vấn đề lý luận, vừa góp phần giải quyết các tồn tại, hạn chế trong công tác QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới hiện nay. Đây là hướng nghiên cứu mới, chưa được đề cập một cách toàn diện trong các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước nhưng lại có ý nghĩa rất thiết thực trong bối cảnh Việt Nam triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Sau quá trình nghiên cứu nghiêm túc dưới sự hướng dẫn của các nhà khoa học, luận án đã đạt được một số kết quả chính sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, luận án đã hệ thống hóa và phát triển các quan điểm khoa học liên quan đến QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới, xác định rõ mục tiêu, nội dung, tiêu chí đánh giá và các yếu tố tác động đến hoạt động QLNN trong lĩnh vực này. Đồng thời, luận án đã xây dựng và làm rõ nội hàm các khái niệm quan trọng như “FTA”, “FTA thế hệ mới” và “QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới” – làm cơ sở cho việc tiếp cận, phân tích các vấn đề thực tiễn. Luận án cũng đã nghiên cứu kinh nghiệm QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới của 3 quốc gia châu Á là Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore để rút ra những bài học hữu ích có thể áp dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, luận án đã khái quát quá trình tham gia các FTA thế hệ mới của Việt Nam; tóm lược nội dung chính trong các FTA thế hệ mới; phân tích và đánh giá sâu thực trạng công tác QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới tập trung vào các khía cạnh: xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới; tổ chức bộ máy QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới; báo cáo, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới; tuyên truyền, phổ biến về các FTA thế hệ mới; chi rõ 5 thành tựu đạt được, 6 tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế đó.

Thứ ba, trên cơ sở phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước có ảnh hưởng tới QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới, luận án đã đề xuất 05 định hướng và 05 nhóm giải pháp toàn diện, khả thi nhằm hoàn thiện QLNN đối với việc thực thi các FTA thế hệ mới đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Các giải pháp tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện chính sách; kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường công tác phối hợp

liên ngành; nâng cao hiệu quả cơ chế kiểm tra, đôn đốc; nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền; tăng cường tham vấn chính sách trong quá trình thực thi các FTA thế hệ mới... Những giải pháp này được xây dựng theo hướng tiếp cận đồng bộ, gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, bảo đảm phù hợp với điều kiện và năng lực thực thi của Việt Nam hiện nay.

Khẳng định lại, kết quả nghiên cứu của luận án sẽ chỉ thực sự phát huy ý nghĩa khi được các cơ quan QLNN và tổ chức liên quan nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn, đặc biệt trong công tác xây dựng và thực hiện chính sách hội nhập quốc tế ở cấp Bộ, ngành và địa phương. Việc triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả các giải pháp được đề xuất sẽ không chỉ góp phần hoàn thiện QLNN về thực thi các FTA thế hệ mới mà còn đóng góp vào việc thực hiện hiệu quả các cam kết HNKTQT, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập sâu rộng trong giai đoạn tới.

Do luận án nghiên cứu một vấn đề mang tính mới nên dù đã có những đánh giá khá cần trọng nhưng do hạn chế về tiếp cận các nguồn thông tin, luận án khó tránh khỏi những hạn chế nhất định, Nghiên cứu sinh rất mong nhận được sự góp ý của các quý thầy giáo, cô giáo, các nhà khoa học, các chuyên gia và đồng nghiệp để có thể hoàn thiện nghiên cứu một cách tốt nhất./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA  
TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lâm Thị Quỳnh Anh (2021), Tình hình sử dụng công cụ phòng vệ thương mại của EU và một số vấn đề cần lưu ý khi thực thi EVFTA, Tạp chí Công Thương, số 13, ISSN: 0866-7756, tháng 6 năm 2021;
2. Lâm Thị Quỳnh Anh (2025), Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý nhà nước đối với việc tham gia các FTA thế hệ mới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo online, e-ISSN: 2734-9365, ngày 17-3-2025;
3. Lâm Thị Quỳnh Anh (2025), Hoàn thiện quản lý nhà nước đối với việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Tạp chí Kinh tế và Dự báo online, e-ISSN: 2734-9365, ngày 31-7-2025;
4. Lâm Thị Quỳnh Anh (2025), Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và một số vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước, Tạp chí Kinh tế và Dự báo online, e-ISSN: 2734-9365, ngày 08-10-2025.

